

Nhập nội dung TBMT

Thông tin chung			
Số TBMT	20210760390-00	Ngày đăng tải	
Hình thức thông báo	Đăng lần đầu		
Loại thông báo	Thông báo thực		
Lĩnh vực	Gói xây lắp		
Bên mời thầu	Công ty Thủy điện Đồng Nai		
Chủ đầu tư	Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899		
Tên gói thầu	Nâng cấp, cải tạo hệ thống ống xả môi trường đập Đồng Nai 4		
Phân loại	Dự án đầu tư		
Tên dự án	Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống ống xả môi trường đập Đồng Nai 4		
Chi tiết nguồn vốn	Đầu tư xây dựng năm 2021		
Loại hợp đồng	Trọn gói		
Hình thức lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu rộng rãi	Trong nước	
Phương thức	Một giai đoạn một túi hồ sơ		
Thời gian thực hiện hợp đồng	06 Tháng		

Cách thức tham dự thầu	
Hình thức dự thầu	Đấu thầu qua mạng
Thời gian nhận HSDT từ ngày	
Phát hành E-HSMT	Miễn phí
Thời hạn hiệu lực của E-HSDT	60 Ngày
Địa điểm nhận E-HSDT	web site: http://muasamcong.mpi.gov.vn
Địa điểm thực hiện gói thầu	Tỉnh Lâm Đồng

Mở thầu	
Thời điểm đóng/ mở thầu	02/08/2021 15:00
Địa điểm mở thầu	website: http://muasamcong.mpi.gov.vn
Dự toán gói thầu	2.517.116.562 VND
Số tiền bằng chữ	Hai tỷ năm trăm mười bảy triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng chẵn

Bảo đảm dự thầu

Số tiền đảm bảo	35.000.000 VND
Số tiền bằng chữ	Ba mươi năm triệu đồng chẵn
Hình thức đảm bảo dự thầu	Thư bảo lãnh

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Công ty Thủy điện Đồng Nai
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Nâng cấp, cải tạo hệ thống ống xả môi trường đập Đồng Nai 4 Tên dự án là: Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống ống xả môi trường đập Đồng Nai 4 Thời gian thực hiện hợp đồng là: 06 Tháng
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Đầu tư xây dựng năm 2021
E-CDNT 5.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: + Bên mời thầu: Công ty Thủy điện Đồng Nai , địa chỉ: 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng + Chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899 - trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau : + Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT + Tư vấn đánh giá E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu - Không có Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với: - Bên mời thầu: Công ty Thủy điện Đồng Nai , địa chỉ: 254 Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng - Chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899
E-CDNT 5.6	Điều kiện về cấp doanh nghiệp: Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp
E-CDNT 10.1(g)	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Không yêu cầu
E-CDNT 17.1	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 35.000.000 VND - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 25.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 % giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 27.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt - Không đạt - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt - Không đạt - Đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất
E-CDNT 27.2.1	Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 29.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
E-CDNT 31.1	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

E-CDNT 32	- Địa chỉ của Chủ đầu tư: Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899 - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Hội đồng thành viên Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Phòng Kế hoạch và Vật tư, Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ: 254 Trần phú, P.Lộc Sơn, Tp.Bảo Lộc, Lâm Đồng. Điện thoại: 0263.2223468 Fax: 0263 3726899
E-CDNT 33	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Phòng Kế hoạch và Vật tư, Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ: 254 Trần phú, P.Lộc Sơn, Tp.Bảo Lộc, Lâm Đồng. Điện thoại: 0263.2223468 Fax: 0263 3726899

Mẫu số 01A

BẢNG CHI TIẾT HẠNG MỤC XÂY LẮP
(Đối với loại hợp đồng trọn gói)

Bên mời thầu liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
A	Nâng cấp, cải tạo hệ thống ống xả môi trường đập Đồng Nai 4			
B	Hạng mục xây dựng			
C	Bê tông mố néo, mố đỡ			
1	Bê tông thủy công đổ bằng cần cẩu 25T, bê tông mố đỡ, mố néo đường ống áp lực, đá 2x4, mác 250	Chương V.Yêu cầu xây lắp	37,2437	m3
2	Sản xuất vữa bê tông bằng trạm trộn tại hiện trường, công suất trạm trộn <= 60m3/h	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,3817	100m3
3	Vận chuyển vữa bê tông bằng ô tô chuyên trộn, cự ly <= 1,5km, ô tô 6m3	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,3817	100m3
4	Bê tông thủy công đổ bằng cần cẩu 25T, bê tông mố đỡ, mố néo đường ống áp lực, đá 2x4, mác 150	Chương V.Yêu cầu xây lắp	2,075	m3
5	Sản xuất vữa bê tông bằng trạm trộn tại hiện trường, công suất trạm trộn <= 60m3/h	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,0213	100m3
6	Vận chuyển vữa bê tông bằng ô tô chuyên trộn, cự ly <= 1,5km, ô tô 6m3	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,0213	100m3
D	Cốt thép			
1	Sản xuất lắp dựng cốt thép công trình thủy công bằng cần cẩu 25T, cốt thép mố đỡ, mố néo đường ống áp lực, đường kính <= 18mm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	2,4439	tấn
E	Ván khuôn			
1	Ván khuôn thép. Ván khuôn móng cột	Chương V.Yêu cầu xây lắp	1,0723	100m2
F	Thép neo D25			
1	Khoan lỗ D51mm để cắm neo anke bằng máy khoan xoay đập tự hành D76mm, cấp đá II	Chương V.Yêu cầu xây lắp	3,93	100m
2	Gia công, lắp đặt thép neo anke nền đá và bơm vữa	Chương V.Yêu cầu xây lắp	1,5131	tấn
G	Đào đất đá			

1	Đào phá đá chiều dày $\leq 0,5\text{m}$ bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph, đá cấp I	Chương V.Yêu cầu xây lắp	140,1	m ³
2	Đào phá đá chiều dày $\leq 0,5\text{m}$ bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph, đá cấp II	Chương V.Yêu cầu xây lắp	2,8	m ³
3	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 10m khỏi điểm - Đá (độ dốc $>40^\circ$, K=4)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	142,9	m ³
4	Vận chuyển bằng thủ công, cự ly vận chuyển 60m tiếp theo - Đá (độ dốc $>40^\circ$, K=4)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	142,9	m ³
5	Xúc đá lên phương tiện vận chuyển, bằng máy đào 1,25m ³	Chương V.Yêu cầu xây lắp	1,429	100m ³
6	Vận chuyển đá bằng ô tô tự đổ 12 tấn trong phạm vi $\leq 300\text{m}$	Chương V.Yêu cầu xây lắp	1,429	100m ³
7	San đá bãi thải bằng máy ủi 110 CV	Chương V.Yêu cầu xây lắp	1,429	100m ³
H	Lan can			
1	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lan can, gờ chắn, đá 1x2, mác 150	Chương V.Yêu cầu xây lắp	38,0456	m ³
2	Ống thép mạ kẽm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	3,7072	tấn
3	Lắp đặt ống thép thép tráng kẽm, đường kính ống 40mm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	17,7642	100m
4	Thép neo D20, L=75cm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	0,8138	tấn
I	Chế tạo thiết bị			
1	Đường ống xả môi trường (đoạn nghiêng)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	19,2097	tấn
2	Mố đỡ, khớp nhiệt, gân tăng cứng	Chương V.Yêu cầu xây lắp	3,3348	tấn
3	Van khóa D700mm (báo giá)	Chương V.Yêu cầu xây lắp	1	bộ
J	Hoàn thiện công tác chế tạo			
1	Làm sạch trước khi siêu âm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	118	m
2	Kiểm tra khuyết tật mối hàn bằng siêu âm	Chương V.Yêu cầu xây lắp	118	m
3	Kiểm tra khuyết tật mối hàn bằng chụp X quang	Chương V.Yêu cầu xây lắp	3	m ²
4	Diện tích làm sạch trước khi sơn đạt Sa2,5	Chương V.Yêu cầu xây lắp	1.407	m ²
5	Sơn mặt trong (hệ sơn PS-01) chiều dày màng sơn khô 480Mcr	Chương V.Yêu cầu xây lắp	703	m ²
6	Sơn mặt ngoài (hệ sơn PS-06), chiều dày màng sơn khô 50 MCr	Chương V.Yêu cầu xây lắp	703	m ²
K	Công tác lắp dựng			
1	Lắp đặt đường ống xả môi trường	Chương V.Yêu cầu xây lắp	2,7	100m

Mẫu số 02

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Thời gian thực hiện công trình	06 Tháng
--------------------------------	----------

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành như sau:

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
-----	---------------------	--------------	-----------------

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12
2	Năng lực tài chính						
2.1	Kết quả hoạt động tài chính	Nhà thầu kê khai số liệu tài chính theo báo cáo tài chính từ năm 2018 đến năm 2020 ⁽³⁾ để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 13A
		Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm gần nhất phải dương.					
2.2	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động xây dựng	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 3.800.000.000 ⁽⁴⁾ VND, trong vòng 3 ⁽⁵⁾ năm gần đây. Doanh thu xây dựng hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng xây lắp mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 13B
2.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao ⁽⁶⁾ hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 750.000.000 ⁽⁷⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Các Mẫu số 14, 15
3	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ⁽⁸⁾ theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽⁹⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽¹⁰⁾ trong vòng 5 ⁽¹¹⁾ năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): Hợp đồng tương tự là hợp đồng thi công đường ống thép cấp; thoát hoặc vận chuyển chất lỏng có đường kính ống từ 400 mm trở lên, chiều dài trên 200 m. Số lượng hợp đồng bằng 2 hoặc khác 2, ít nhất có 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là 1.800.000.000 VND và tổng giá trị tất cả các hợp đồng ≥ 3.600.000.000 VND. Loại công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Cấp công trình: Cấp III	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 10A, 10B

Ghi chú:

(1) Ghi số năm, thông thường là từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng

tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại.

(3) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(4) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hàng năm:

a) Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hàng năm = (Giá gói thầu / thời gian thực hiện hợp đồng theo năm) x k. Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 1 năm thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu x k.

Thông thường yêu cầu hệ số "k" trong công thức này là 1,5.

Nhà thầu phải nộp tài liệu chứng minh về doanh thu xây dựng như: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu hợp pháp khác.

c) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối lượng do từng thành viên đảm nhiệm.

(5) Ghi số năm phù hợp với số năm yêu cầu nộp báo cáo tài chính tại tiêu chí 2.1.

(6) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

(7) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = $t \times x$ (Giá gói thầu/thời gian thực hiện hợp đồng (tính theo tháng)).

Thông thường yêu cầu hệ số "t" trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = $30\% \times \text{Giá gói thầu}$

Nguồn lực tài chính được tính bằng tổng các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng (bao gồm cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với gói thầu này) hoặc các nguồn tài chính khác.

Trường hợp trong E-HSĐT, nhà thầu có nộp kèm theo bản scan cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu phải kê khai thông tin theo quy định tại Mẫu số 14 nhưng không phải kê khai thông tin theo Mẫu số 15 Chương này. Trường hợp có sai khác thông tin trong biểu kê khai và cam kết tín dụng kèm theo thì bản cam kết tín dụng đính kèm trong E-HSĐT sẽ là cơ sở để đánh giá.

c) Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về nguồn lực tài chính được áp dụng cho cả liên danh. Nếu một thành viên liên danh thực hiện cung cấp nguồn lực tài chính cho một hoặc tất cả thành viên trong liên danh thì trong thỏa thuận liên danh cần nêu rõ trách nhiệm của thành viên liên danh đó.

(8) Hợp đồng tương tự là hợp đồng đã thực hiện toàn bộ, trong đó công việc xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét, bao gồm:

- Tương tự về bản chất và độ phức tạp: có cùng loại và cấp công trình tương tự hoặc cao hơn cấp công trình yêu cầu cho gói thầu này theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với các công việc đặc thù, có thể chỉ yêu cầu nhà thầu phải có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu;

- Tương tự về quy mô công việc: có giá trị công việc xây lắp bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét;

(hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, quy mô mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét thì được đánh giá là một hợp đồng xây lắp tương tự).

- Trường hợp trong E-HSMT yêu cầu nhà thầu đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị phần công việc xây lắp của hợp đồng trong khoảng 50%-70% giá trị phần công việc xây lắp của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(9) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(10) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(11) Ghi số năm yêu cầu, thông thường từ 3 đến 5 năm.

Mẫu số 04A

YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Trình độ chuyên môn (Trình độ tối thiểu, Chứng chỉ hành nghề...)	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu _ năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu _ năm)
1	Chỉ huy trưởng công trình	1	Kỹ sư chuyên ngành xây dựng; cơ khí có chứng chỉ hành nghề giám sát xây dựng hoặc chứng nhận bồi dưỡng chỉ huy trưởng công trình	5	3
2	Giám sát thi công	1	Kỹ sư, cao đẳng chuyên ngành xây dựng; cơ khí, có chứng chỉ hành nghề giám sát hoặc chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát công trình	4	2
3	Đội trưởng đội thi công	1	Kỹ sư, cao đẳng chuyên ngành xây dựng; cơ khí	4	2

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 11A, 11B và 11C Chương IV.

Ghi chú: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về nhân sự chủ chốt như chỉ huy trưởng công trình, chủ nhiệm kỹ thuật thi công, chủ nhiệm thiết kế bản vẽ thi công, đội trưởng thi công, giám sát kỹ thuật, chất lượng... và số năm kinh nghiệm tối thiểu của nhân sự chủ chốt đó cho phù hợp.

Mẫu số 04B**THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU DỰ KIẾN HUY ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN GÓI THẦU**

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

STT	Loại thiết bị	Đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy khoan xoay đập tự hành, khí nén (chưa tính khí nén) - đường kính khoan : F 75 - 95 mm; hoặc Máy khoan đất đá, cầm tay: F <= 42 mm (truyền động khí nén - chưa tính khí nén)	Máy khoan xoay đập tự hành, khoan phá đá; đường kính khoan : F 75 - 95 mm; đường kính khoan : F 75 - 95 m; hoặc Máy khoan đất đá, cầm tay: F <= 42 mm khoan cầm náo anke hiện trạng tốt, sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
2	Máy nén khí, động cơ diesel - công suất >= 1200,00 m3/h	Nén khí kết hợp máy khoan xoay và búa căn; công suất >= 1200 m3/h; hiện trạng tốt, sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
3	Ô tô tự đổ - trọng tải : 12,0 T	Vận chuyển vật tư, thiết bị, đá đổ thải; hiện trạng tốt, sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
4	Búa căn khí nén 3m3/ph	búa đục cầm tay sử dụng kết hợp với máy nén khí dùng để đục phá đá mái dốc; hiện trạng tốt, sẵn sàng huy động cho gói thầu	1
5	Cần cẩu 10T	Cần cẩu, cầu lắp thiết bị, đường ống; hiện trạng tốt, sẵn sàng huy động cho gói thầu	1

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 11D Chương IV.

Ghi chú: (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp.

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Tổng Công ty Phát điện 1 Địa chỉ: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 024.730.89.789 Đại diện Chủ đầu tư: Công ty Thủy điện Đồng Nai Địa chỉ : 254 Trần Phú - Phường Lộc Sơn - Thành phố Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng - Việt Nam Điện thoại : 0263.2478888 Fax: 0263.3726899
E-ĐKC 1.6	Công trình bao gồm: Nâng cấp, cải tạo hệ thống ống xả môi trường đập Đồng Nai 4; xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông
E-ĐKC 1.8	Địa điểm công trường tại: Đập dâng Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 4; xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông Được xác định trong bản vẽ số: 121004N-TĐ-TC-OXMT-0
E-ĐKC 1.13	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: Dự kiến là ngày 12/02/2022
E-ĐKC 1.14	Ngày khởi công là: Dự kiến là ngày 12/08/2021
E-ĐKC 1.15	Nhà thầu là:
E-ĐKC 1.24	Tư vấn giám sát là: Công ty Thủy điện Đồng Nai
E-ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Không yêu cầu
E-ĐKC 4	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
E-ĐKC 5	Hình thức đảm bảo thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện trả tiền khi có yêu cầu theo Mẫu số 21 Chương VIII E - HSMT - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
E-ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: -
E-ĐKC 7.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0 % giá hợp đồng.
E-ĐKC 7.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ Nhà thầu phụ phải có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện phần công việc của nhà thầu phụ thực hiện.
E-ĐKC 14	Yêu cầu về bảo hiểm: kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...
E-ĐKC 15	Thông tin về Công trường là: Công trình thủy điện Đồng Nai 4, khu vực rừng núi, mật độ dân cư thưa thớt, hệ thống đường giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi
E-ĐKC 18	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Tại Đập Thủy điện Đồng Nai 4; Dự kiến là ngày 12/08/2021
E-ĐKC 21.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày Giải quyết tranh chấp: Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo Hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Lâm Đồng theo quy định pháp luật hiện hành tại Việt Nam. Quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 22	- Ngày khởi công: Dự kiến là ngày 12/08/2021 - Ngày hoàn thành dự kiến: Dự kiến là ngày 12/02/2022

E-ĐKC 23.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 7 ngày, từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 23.3	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 10 ngày Bảng tiến độ thi công chi tiết bổ sung không làm suy giảm giá trị của Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu. Các thời điểm xử phạt chậm thi công các hạng mục, công việc đều dựa trên Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu trừ trường hợp bất khả kháng. Các hạng mục công việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng thì các thời điểm xử phạt chậm thi công các hạng mục, công việc đều dựa trên Bảng tiến độ thi công chi tiết lần đầu. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 10% giá trị hợp đồng
E-ĐKC 24.3	Các trường hợp khác: Trong các trường hợp bất khả kháng nhà thầu không thực hiện kịp tiến độ hợp đồng.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 27.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 34.1	Giá hợp đồng: - VND
E-ĐKC 35.1	- Tạm ứng: --Ghi cụ thể mức tạm ứng hợp đồng (theo tỷ lệ phần trăm %). Trường hợp không ghi hoặc ghi mức tạm ứng HĐ bằng 0 thì nhà thầu không được tạm ứng trong quá trình thực hiện hợp đồng.-- - Thời gian tạm ứng: Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị Hợp đồng trong vòng 15 ngày sau khi Hợp đồng có hiệu lực và khi Bên B có văn bản đề nghị tạm ứng Hợp đồng, thu bảo lãnh của ngân hàng tương ứng với giá trị nói trên.
E-ĐKC 36.1	Phương thức thanh toán: Phương thức thanh toán: Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị Hợp đồng sau khi đã khấu trừ phần đã tạm ứng của bên B trong vòng 25 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng và bên B cung cấp cho Bên A đầy đủ các chứng từ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán của Bên B; Hóa đơn tài chính hợp lệ; Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng; Biên bản nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng; Bảng tổng hợp giá trị quyết toán; Biên bản thanh lý Hợp đồng; Bảo lãnh bảo hành công trình(5% giá trị quyết toán công trình); Hồ sơ hoàn công công trình; Báo cáo đánh giá chất lượng công trình; Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).
	Điều chỉnh thuế: không được phép
E-ĐKC 38.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: - %.
E-ĐKC 42.1	Mức phạt: Mức phạt chậm tiến độ: 0,2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm, theo các mốc thi công được quy định trong Bảng tiến độ, cho mỗi ngày vi phạm -Tổng số tiền phạt do không hoàn thành hợp đồng theo tiến độ không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. - Phạt về chất lượng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình thì bên B sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của bên A và bị phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành thì tiếp tục xử lý phạt theo quy định về chậm tiến độ
E-ĐKC 42.2	Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong Hợp đồng: Không áp dụng
E-ĐKC 42.3	Mức thưởng: Không áp dụng Tổng số tiền thưởng tối đa: Không áp dụng
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 46	Thời gian bàn giao công trình: Dự kiến là ngày 12/02/2022
E-ĐKC 47.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Dự kiến là ngày 12/02/2022
E-ĐKC 47.2	Số tiền giữ lại: 10% giá trị hợp đồng